

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam
2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Thanh Trung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12/02/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hồ Thị Thu V, sinh năm 1972 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
2. *Bị đơn:* Võ Văn M, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2018, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Hồ Thị Thu V trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1992 chị và anh Võ Văn M quen biết, tự nguyện chung sống với nhau, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là UBND xã H), huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau này khoảng năm 2007 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, do anh M có người phụ nữ khác bên ngoài, chị có

khuyên nhiều lần nhưng tính tình anh M không thay đổi mà còn đánh đập chị nên chị V về nhà cha mẹ ruột sống và đi làm khoảng năm 2008 đến nay. Nay chị V thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn M.

- Về con chung tên Võ Thị H, sinh năm 1993, Võ Văn Đ, sinh năm 1995, Võ Văn D, sinh năm 1997, hiện các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị V không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số tiền nợ phải thu, phải trả: Chị V không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Võ Văn M tại phiên tòa có trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M thừa nhận trong cuộc sống giữa anh và chị V có mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, anh có đánh chị V dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả nên chị V đã bỏ đi từ khoảng năm 2008 đến nay. Nay anh M thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nhưng vì thương các con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên nếu chị V kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung thống nhất trình bày của chị V, hiện các con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh M đồng ý không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh M không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự; tuy nhiên xét thấy việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại các phiên hòa giải là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thu V được ly hôn với anh Võ Văn M. Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả

không tranh chấp nên đề nghị không xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm đề nghị buộc chị V phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Võ Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng cố ý vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, các đương sự đều có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Hồ Thị Thu V khởi kiện xin ly hôn với anh Võ Văn M, địa chỉ tại ấp C, xã H, huyện C nên xác định quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa chị Hồ Thị Thu V và anh Võ Văn M chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị V và anh M là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị V và anh M có bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau khoảng năm 2007 đến nay. Xét thấy, sau khi chị V và anh M không còn chung sống với nhau đến nay thì mỗi người có cuộc sống riêng, không bên nào tìm cách hòa giải để hàn gắn lại và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; Tòa án đã nhiều lần hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không thành. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc; anh M thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu đến nay không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh M ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Thu V.

[4] Về con chung: Xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị V và anh M có các con chung tên Võ Thị H, sinh năm 1993, Võ Văn Đ, sinh năm 1995, Võ Văn D, sinh năm 1997, hiện các con đã thành niên, do đó chị V và anh M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị V và anh M không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về số nợ phải thu, phải trả: Chị V và anh M không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Hồ Thị Thu V phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hồ Thị Thu V.

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Cho chị Hồ Thị Thu V được ly hôn với anh Võ Văn M.

- ***Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*** Chị Hồ Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015746 ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị V đã nộp đủ.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa